

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 33

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên
Ông Trương Đình Quý	Thành viên
Ông Trần Anh Minh	Thành viên
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên độc lập
Ông Đặng Công Luận	Thành viên độc lập
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên độc lập

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tạ Long Hỷ	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tạ Long Hỷ.

Bà Đặng Thị Lan Phương được Hội đồng Quản trị ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.


### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

  
Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11658649/66713114

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>738.127.122.514</b>	<b>705.382.380.271</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>161.031.033.548</b>	<b>187.667.015.561</b>
111	1. Tiền		51.031.033.548	57.667.015.561
112	2. Các khoản tương đương tiền		110.000.000.000	130.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>410.800.000.000</b>	<b>340.800.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	410.800.000.000	340.800.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>152.640.783.921</b>	<b>161.547.399.959</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	122.822.908.836	122.506.173.096
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	3.038.986.941	12.250.152.343
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	31.610.903.299	31.636.458.689
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9	(4.832.015.155)	(4.845.384.169)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>6.159.107.999</b>	<b>5.806.385.701</b>
141	1. Hàng tồn kho	10	6.159.107.999	5.806.385.701
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.496.197.046</b>	<b>9.561.579.050</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	7.381.505.725	9.446.887.729
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		114.691.321	114.691.321
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.173.861.779.127</b>	<b>1.096.331.357.963</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.127.048.200</b>	<b>7.224.712.400</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	-	6.052.664.200
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	1.127.048.200	1.172.048.200
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.080.649.138.957</b>	<b>1.003.373.074.068</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	784.311.615.767	803.926.207.665
222	Nguyên giá		1.560.624.804.338	1.607.045.804.281
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(776.313.188.571)	(803.119.596.616)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	296.054.209.570	199.446.866.403
225	Nguyên giá		365.283.636.320	249.829.090.920
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(69.229.426.750)	(50.382.224.517)
227	3. Tài sản cố định vô hình		283.313.620	-
228	Nguyên giá		2.264.221.000	1.966.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.980.907.380)	(1.966.221.000)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>43.920.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13	43.920.000.000	36.000.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>48.165.591.970</b>	<b>49.733.571.495</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	48.165.591.970	49.733.571.495
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.911.988.901.641</b>	<b>1.801.713.738.234</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>509.692.307.716</b>	<b>432.853.291.400</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>191.508.818.401</b>	<b>168.404.220.787</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	14.218.807.616	14.766.380.633
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		254.350.656	711.894.284
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	33.432.994.058	9.025.916.441
314	4. Phải trả người lao động		1.522.927.102	7.636.284.222
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	11.929.697.766	20.575.578.176
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	2.317.872.886	2.792.326.932
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	31.831.656.473	33.863.380.569
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	95.847.562.390	78.879.510.076
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		152.949.454	152.949.454
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>318.183.489.315</b>	<b>264.449.070.613</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	110.212.913.991	108.921.615.905
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	207.970.575.324	155.527.454.708
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.402.296.593.925</b>	<b>1.368.860.446.834</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>1.402.296.593.925</b>	<b>1.368.860.446.834</b>
411	1. Vốn cổ phần		678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		268.688.372.802	268.688.372.802
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		368.087.038.013	334.650.890.922
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		280.363.537.322	171.193.214.516
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		87.723.500.691	163.457.676.406
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.911.988.901.641</b>	<b>1.801.713.738.234</b>




Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



  
Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc


Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 28 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	573.290.360.184	375.611.948.759
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(446.371.723.960)	(263.018.071.776)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		126.918.636.224	112.593.876.983
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	22.156.054.248	9.414.693.249
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	(11.216.099.039) (11.209.032.883)	(3.821.948.897) (3.821.117.277)
25	6. Chi phí bán hàng	26, 28	(33.427.086.259)	(24.979.515.472)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 28	(38.161.804.555)	(37.553.232.023)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		66.269.700.619	55.653.873.840
31	9. Thu nhập khác	27	23.277.774.008	8.796.908.161
32	10. Chi phí khác	27	(1.511.973.936)	(835.992.659)
40	11. Lợi nhuận khác	27	21.765.800.072	7.960.915.502
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		88.035.500.691	63.614.789.342
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.1	-	(1.449.582.578)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		88.035.500.691	62.165.206.764

  
Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập

  
Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>88.035.500.691</b>	<b>63.614.789.342</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	28	107.683.491.056	85.758.643.369
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(174.040.447)	(142.623.577)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(31.258.658.026)	(9.413.050.036)
06	Chi phí lãi vay	25	11.209.032.883	3.821.117.277
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>175.495.326.157</b>	<b>143.638.876.375</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		904.193.263	(29.290.304.824)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(352.722.298)	278.740.573
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		7.218.044.712	(120.278.003)
12	Giảm chi phí trả trước		3.633.361.529	3.153.656.951
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.784.005.976)	(4.110.628.837)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>176.114.197.387</b>	<b>113.550.062.235</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(121.990.546.297)	(52.354.545)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		40.380.545.730	134.057.022.435
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(410.800.000.000)	(310.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		340.800.000.000	201.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4	(7.920.000.000)	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		17.722.558.637	6.421.688.409
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(141.807.441.930)</b>	<b>31.426.356.299</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	21.3	37.931.950.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	21.3	(18.801.354.408)	(109.500.401.772)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	21.3	(25.919.422.662)	(27.516.960.414)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(54.153.910.400)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(60.942.737.470)</b>	<b>(137.017.362.186)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(26.635.982.013)	7.959.056.348
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		187.667.015.561	162.560.596.897
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	161.031.033.548	170.519.653.245



Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008

Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.488 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.523).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán phụ tùng cuối kỳ với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các khoản chi phí trả trước khác.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Doanh thu nhượng quyền thương mại và khai thác taxi*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên mức phí cố định hằng ngày trong suốt thời gian hợp đồng

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

#### *Mua thêm cổ phần của công ty con hiện hữu*

Vào ngày 2 tháng 6 năm 2023, Công ty đã mua thêm 9% cổ phần Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam với tổng giá phí là 7.920.000.000 VND, theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu từ 90% lên 99% vào ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	43.930.391.553	37.482.051.773
Tiền gửi ngân hàng	7.100.641.995	20.184.963.788
Các khoản tương đương tiền (*)	110.000.000.000	130.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>161.031.033.548</b>	<b>187.667.015.561</b>

(\*) Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,3% đến 5%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền gửi có kỳ hạn	410.800.000.000	340.800.000.000

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,5% đến 9,6%/năm.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>122.822.908.836</b>	<b>122.506.173.096</b>
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	76.841.514.485	74.079.209.466
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	36.914.507.750	39.833.298.310
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng lái	3.991.863.364	5.159.212.985
Phải thu tài xế liên quan đến nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	836.125.037	1.269.933.455
Khác	4.238.898.200	2.164.518.880
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>6.052.664.200</b>
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	-	6.052.664.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>122.822.908.836</b>	<b>128.558.837.296</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.666.027.810)	(1.624.738.358)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>121.156.881.026</b>	<b>126.934.098.938</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG** (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	1.624.738.358	1.679.430.443
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	105.611.962	195.116.772
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(64.322.510)	(210.853.909)
Số cuối kỳ	<u>1.666.027.810</u>	<u>1.663.693.306</u>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước mua tài sản cố định	791.910.000	10.360.000.000
Khác	2.247.076.941	1.890.152.343
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.038.986.941</u></b>	<b><u>12.250.152.343</u></b>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>31.610.903.299</b>	<b>31.636.458.689</b>
Lãi tiền gửi	12.957.298.626	8.531.209.855
Tạm ứng cho nhân viên	5.580.066.623	5.781.362.705
Tiền trả trước cho bên liên quan sử dụng thẻ taxi (Thuyết minh số 30)	4.696.966.009	7.635.885.009
Ký quỹ, ký cược	1.997.300.333	1.529.255.333
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	1.344.399.598	2.377.471.629
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	726.280.430	1.413.669.689
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	278.764.861	291.700.251
Hỗ trợ Covid cho tài xế	-	823.409.750
Khác	4.029.826.819	3.252.494.468
<b>Dài hạn</b>	<b>1.127.048.200</b>	<b>1.172.048.200</b>
Ký quỹ, ký cược	1.127.048.200	1.172.048.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.737.951.499</u></b>	<b><u>32.808.506.889</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.165.987.345)	(3.220.645.811)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>29.571.964.154</u></b>	<b><u>29.587.861.078</u></b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.489.599.993	1.595.559.496.459	3.996.707.829	1.607.045.804.281
Mua mới trong kỳ	32.636.364	91.973.454.533	-	92.006.090.897
Thanh lý	-	(138.427.090.840)	-	(138.427.090.840)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>7.522.236.357</u>	<u>1.549.105.860.152</u>	<u>3.996.707.829</u>	<u>1.560.624.804.338</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>7.437.245.448</i>	<i>59.263.369.274</i>	<i>3.590.107.829</i>	<i>70.290.722.551</i>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.449.994.750	791.782.559.449	3.887.042.417	803.119.596.616
Khấu hao trong kỳ	13.814.225	88.740.021.554	67.766.664	88.821.602.443
Thanh lý	-	(115.628.010.488)	-	(115.628.010.488)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>7.463.808.975</u>	<u>764.894.570.515</u>	<u>3.954.809.081</u>	<u>776.313.188.571</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>39.605.243</u>	<u>803.776.937.010</u>	<u>109.665.412</u>	<u>803.926.207.665</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>58.427.382</u>	<u>784.211.289.637</u>	<u>41.898.748</u>	<u>784.311.615.767</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 21)</i>	-	255.989.790.663	-	255.989.790.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND
	<i>Phương tiện vận tải</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	249.829.090.920
Thuê trong kỳ	115.454.545.400
	<hr/>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	365.283.636.320
	<hr/>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	50.382.224.517
Khấu hao trong kỳ	18.847.202.233
	<hr/>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	69.229.426.750
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	199.446.866.403
	<hr/>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	296.054.209.570
	<hr/>

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Đây là khoản đầu tư tương ứng với 99% cổ phần trong Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 90%), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKDN số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của ADX là kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 277, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.381.505.725</b>	<b>9.446.887.729</b>
Bảo hiểm vật chất xe và bảo hiểm dân sự	4.714.750.997	6.312.342.633
Phí bảo trì đường bộ	1.164.746.000	2.198.499.000
Công cụ, dụng cụ đang dùng	51.708.330	43.903.209
Khác	1.450.300.398	892.142.887
	<hr/>	<hr/>
<b>Dài hạn</b>	<b>48.165.591.970</b>	<b>49.733.571.495</b>
Tiền thuê văn phòng trả trước (*)	45.242.672.452	45.898.363.360
Công cụ, dụng cụ	2.508.454.162	3.279.545.830
Khác	414.465.356	555.662.305
	<hr/>	<hr/>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.547.097.695</b>	<b>59.180.459.224</b>

(\*) Đây là khoản tiền trả trước tiền thuê văn phòng của Công ty tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhà cung cấp vật tư phụ tùng	7.174.716.787	3.459.793.460
Tiếp thị	1.441.957.689	1.967.495.900
Nhà cung cấp xăng	1.343.539.706	2.633.432.275
Bảo hiểm xe	560.396.433	2.148.953.201
Khác	3.698.197.001	4.556.705.797
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.218.807.616</u></b>	<b><u>14.766.380.633</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số phải nộp	Số đã nộp	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	8.266.506.513	60.586.772.760	(36.494.578.911)	32.358.700.362
Thuế thu nhập cá nhân	759.409.928	1.926.514.682	(1.611.630.914)	1.074.293.696
Thuế khác	-	12.000.000	(12.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.025.916.441</u></b>	<b><u>62.525.287.442</u></b>	<b><u>(38.118.209.825)</u></b>	<b><u>33.432.994.058</u></b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Khen thưởng, phúc lợi (*)	6.626.328.010	19.000.819.428
Lương tháng 13	3.600.000.000	-
Khác	1.703.369.756	1.574.758.748
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.929.697.766</u></b>	<b><u>20.575.578.176</u></b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi khen thưởng, phúc lợi cho người lao động 7% lợi nhuận trước thuế của năm 2023.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cho thuê thiết bị và nhãn hiệu	1.033.851.544	1.458.494.671
Khác	1.284.021.342	1.333.832.261
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.317.872.886</b>	<b>2.792.326.932</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	15.829.760.592	14.970.345.437
Bảo hiểm vật chất xe	2.289.665.122	1.915.723.536
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	2.277.015.836	5.540.164.836
Chi phí lãi vay	1.230.779.915	805.753.008
Cổ tức phải trả	547.705.700	414.262.500
Khác	9.656.729.308	10.217.131.252
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.831.656.473</b>	<b>33.863.380.569</b>

**20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	54.854.947.144	53.553.281.652
Nhận ký quỹ từ khách hàng	51.122.670.497	50.972.366.470
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.443.296.350	3.603.967.783
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	792.000.000	792.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.212.913.991</b>	<b>108.921.615.905</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>95.847.562.390</b>	<b>78.879.510.076</b>
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	45.952.447.584	36.469.460.064
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	49.895.114.806	42.410.050.012
<b>Dài hạn</b>	<b>207.970.575.324</b>	<b>155.527.454.708</b>
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	108.553.187.780	98.905.579.708
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 21.2)	99.417.387.544	56.621.875.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>303.818.137.714</b>	<b>234.406.964.784</b>

**21.1 Vay dài hạn từ ngân hàng**

Công ty đã vay các khoản vay dài hạn từ ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	114.815.635.364	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2023 đến ngày 26 tháng 6 năm 2027	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 3,3%	350 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Công Thương – Chi nhánh 10 Thành phố Hồ Chí Minh	39.690.000.000	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2023 đến ngày 12 tháng 10 năm 2026	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 3,5 %	108 xe
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>154.505.635.364</b>			

Trong đó :

Vay dài hạn đến hạn trả	45.952.447.584
Vay dài hạn	108.553.187.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**21.2 Nợ thuê tài chính**

Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022			VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	
Dưới 1 năm	62.290.552.131	12.395.437.325	49.895.114.806	49.454.141.741	7.044.091.729	42.410.050.012	
Từ 1 - 5 năm	112.432.137.989	13.014.750.445	99.417.387.544	63.732.279.948	7.110.404.948	56.621.875.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>174.722.690.120</b>	<b>25.410.187.770</b>	<b>149.312.502.350</b>	<b>113.186.421.689</b>	<b>14.154.496.677</b>	<b>99.031.925.012</b>	

**21.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND
	Vay trong kỳ	Đã trả trong kỳ			
Vay ngân hàng	135.375.039.772	37.931.950.000	(18.801.354.408)	154.505.635.364	
Nợ thuê tài chính	99.031.925.012	76.200.000.000	(25.919.422.662)	149.312.502.350	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>234.406.964.784</b>	<b>114.131.950.000</b>	<b>(44.720.777.070)</b>	<b>303.818.137.714</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	171.193.214.516	1.205.402.770.428
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	62.165.206.764	62.165.206.764
Trích khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(1.211.112.445)	(1.211.112.445)
Giảm khác	-	-	-	(312.000.000)	(312.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>678.591.920.000</u>	<u>86.929.263.110</u>	<u>268.688.372.802</u>	<u>231.835.308.835</u>	<u>1.266.044.864.747</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	334.650.890.922	1.368.860.446.834
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	88.035.500.691	88.035.500.691
Cổ tức công bố	-	-	-	(54.287.353.600)	(54.287.353.600)
Giảm khác	-	-	-	(312.000.000)	(312.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>678.591.920.000</u>	<u>86.929.263.110</u>	<u>268.688.372.802</u>	<u>368.087.038.013</u>	<u>1.402.296.593.925</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	678.591.920.000	678.591.920.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố (*)	54.287.353.600	-
Cổ tức đã trả	54.153.910.400	-
(*) Công ty đã chi cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt tại mức 8% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 06/QĐ-HĐQT.23 ngày 27 tháng 4 năm 2023, phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 25 tháng 4 năm 2023.		

**22.3 Cổ phiếu**

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.859.192	67.859.192
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	468.831.373.353	283.950.587.847
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng	90.251.780.568	79.315.563.761
Khác	14.207.206.263	12.345.797.151
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>573.290.360.184</b>	<b>375.611.948.759</b>

(\*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, thương quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU** (tiếp theo)

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền gửi	22.148.647.408	9.413.048.832
Khác	7.406.840	1.644.417
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.156.054.248</u></b>	<b><u>9.414.693.249</u></b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	358.302.462.483	188.615.966.989
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng	75.385.646.383	63.251.676.744
Khác	12.683.615.094	11.150.428.043
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>446.371.723.960</u></b>	<b><u>263.018.071.776</u></b>

(\*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ vận tải hành khách bằng taxi, thương quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	11.209.032.883	3.821.117.277
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.066.156	831.620
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.216.099.039</u></b>	<b><u>3.821.948.897</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>33.427.086.259</b>	<b>24.979.515.472</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.185.639.928	13.859.030.147
Chi phí nhân viên	14.931.453.939	11.107.940.764
Khác	309.992.392	12.544.561
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>38.161.804.555</b>	<b>37.553.232.023</b>
Chi phí nhân viên	17.402.893.879	22.989.263.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.778.318.045	11.444.991.864
Chi phí khấu hao và hao mòn	880.322.475	1.179.131.433
Khác	4.100.270.156	1.939.845.187
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.588.890.814</b>	<b>62.532.747.495</b>

**27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>23.277.774.008</b>	<b>8.796.908.161</b>
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	11.304.380.400	6.870.213.041
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	9.110.010.618	1.204
Khác	2.863.382.990	1.926.693.916
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.511.973.936)</b>	<b>(835.992.659)</b>
Chi phí quảng cáo trên taxi	(1.345.036.000)	(673.385.932)
Khác	(166.937.936)	(162.606.727)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>21.765.800.072</b>	<b>7.960.915.502</b>

**28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	220.118.066.343	59.989.627.846
Chi phí nhân viên	123.221.256.324	124.639.241.406
Chi phí khấu hao và hao mòn	107.683.491.056	85.758.643.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.890.244.931	38.262.540.627
Khác	22.047.556.120	16.900.766.023
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>517.960.614.774</b>	<b>325.550.819.271</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	1.449.582.578
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.449.582.578</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>88.035.500.691</b>	<b>63.614.789.342</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	17.607.100.138	12.722.957.868
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời	(159.338.650)	982.610.596
Lỗi thuế được kết chuyển	(17.447.761.488)	(12.255.985.886)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>1.449.582.578</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.3 Lỗ chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính với tổng giá trị là 142.243.007.005 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 229.481.814.445 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
2020	2025	168.199.380.406	(168.199.380.406)	-
2021	2026	233.931.727.555	(91.688.720.550)	142.243.007.005
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>402.131.107.961</b>	<b>(259.888.100.956)</b>	<b>142.243.007.005</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng.

**29.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND
	Số tiền
Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước (Thuyết minh số 29.3)	142.243.007.005
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.443.296.350
Trích trước chi phí quà tặng và thưởng	900.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>146.586.303.355</b>

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm các thành viên ban điều hành và HĐQT, Ban kiểm soát và bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp tục)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con	Thanh lý xe	-	18.385.533.633
		Chi phí trả hộ	4.192.451.821	3.634.233.505

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Công ty con	Tiền trả trước liên quan đến sử dụng thẻ taxi	4.696.966.009	7.635.885.009

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Lương, thưởng của các thành viên ban điều hành và thù lao HĐQT, Ban kiểm soát như sau:

		VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch	857.040.000	194.720.000
Ông Tạ Long Hỷ	Tổng Giám đốc	770.640.000	207.760.000
Bà Đặng Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	770.640.000	209.920.000
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	745.680.000	203.440.000
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc	737.280.000	195.040.000
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	737.280.000	195.040.000
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc	720.480.000	178.240.000
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc	484.080.000	170.640.000
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc	438.480.000	170.640.000
Ông Nguyễn Văn Mác	Phó Tổng Giám đốc	456.960.000	165.071.667
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	78.000.000	16.000.000
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT	78.000.000	16.000.000
Ông Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT	78.000.000	16.000.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT	78.000.000	16.000.000
Ông Đặng Tiến Sỹ	Thành viên HĐQT	78.000.000	16.000.000
Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	50.000.000	10.000.000
Bà Mai Thị Kim Hoàng	Ban kiểm soát	39.000.000	8.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Ban kiểm soát	39.000.000	8.000.000
		<b>7.236.560.000</b>	<b>1.996.511.667</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	2.506.951.810	3.001.551.808
Từ 1 - 5 năm	1.800.467.096	2.971.509.668
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.307.418.906</b>	<b>5.973.061.476</b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê tòa nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	2.880.000.000	2.880.000.000
Từ 1 - 5 năm	14.400.000.000	14.400.000.000
Trên 5 năm	7.200.000.000	8.640.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.480.000.000</b>	<b>25.920.000.000</b>

**32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Thái Thị Mộng Tuyền  
Người lập



Đặng Hoàng Sang  
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023